



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN  
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Sáng tạo nội dung điện ảnh truyền hình**  
(Creation of film and television content)
- Mã học phần: CTE414
- Số tín chỉ: 2 (1/1/2)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước:
- Đơn vị phụ trách: Khoa Nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 30 tiết, trong đó:
- Lý thuyết: 30 tiết (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Tiến Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa XHTT - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: Trinhhtm@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Việt Đức
- Chức danh, học vị: Giảng viên, P.GS, Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0987660199
- Email: vietducms@gmail.com

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Sáng tạo nội dung điện ảnh truyền hình” trong ngành công nghệ điện ảnh truyền hình tập trung vào việc phát triển kỹ năng sáng tạo và lý tưởng hóa ý tưởng cho các dự án điện ảnh và truyền hình. Sinh viên sẽ học cách phân tích và hiểu về cấu trúc kịch bản, xây dựng nhân vật và phát triển câu chuyện hấp dẫn. Ngoài ra, sinh viên sẽ

tìm hiểu về các phương tiện truyền thông khác nhau và cách sử dụng chúng để truyền đạt thông điệp, tạo ra tác phẩm độc đáo và thu hút khán giả. Các chủ đề thảo luận có thể bao gồm kỹ thuật viết kịch bản, phân tích cấu trúc các thể loại phim, nghiên cứu về xu hướng và phong cách sáng tạo hiện đại. Bằng cách này, sinh viên có cơ hội phát triển kỹ năng sáng tạo, tự tin trong việc xây dựng và thực hiện các dự án điện ảnh và truyền hình.

#### 4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về kịch bản và viết kịch bản, phân cảnh và chỉ đạo diễn xuất, kỹ thuật quay phim và biên tập, thiết kế sản xuất, marketing và phân phối.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách viết và phát triển kịch bản cho phim và chương trình truyền hình, bao gồm cách xây dựng cốt truyện, phát triển nhân vật và tạo ra các phân đoạn hấp dẫn. Các nguyên tắc quay phim cơ bản và cách chỉ đạo diễn viên để tạo ra hiệu ứng và cảm xúc mong muốn trên màn hình. Về quy trình sản xuất phim và chương trình truyền hình từ ý tưởng ban đầu đến sản phẩm hoàn chỉnh, bao gồm cách lựa chọn diễn viên, quản lý dự án và chỉnh sửa hậu kỳ.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về quá trình tạo ra và phát triển các ý tưởng, kịch bản, nội dung cho phim và chương trình truyền hình. Nó bao gồm việc nghiên cứu về cấu trúc kịch bản, phân tích các phong cách và thể loại phim, thực hành viết kịch bản và phát triển ý tưởng sáng tạo. Đồng thời, học phần này cũng tập trung vào việc hiểu về quy trình sản xuất phim và truyền hình, từ ý tưởng ban đầu đến việc thực hiện và quảng bá sản phẩm.

- Trang bị kiến thức về chiến lược quảng cáo, cách xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu của các tổ chức, quá trình sáng tạo và sản xuất nội dung truyền hình và điện ảnh. Sinh viên sẽ học cách phát triển ý tưởng, viết kịch bản, chỉ đạo diễn xuất, quay phim, chỉnh sửa và sản xuất các dự án truyền hình và điện ảnh. Đồng thời, sinh viên cũng sẽ nắm vững các kỹ thuật và công nghệ mới nhất trong lĩnh vực này, từ quay phim số đến chỉnh sửa đồ họa và hiệu ứng đặc biệt.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| Mã CDR           | Nội dung chuẩn đầu ra<br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                                                                          |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b> |                                                                                                                                           |
| CLO1             | Trình bày được các khái niệm, nguyên lý cơ bản về sáng tạo nội dung trong lĩnh vực điện ảnh và truyền hình.                               |
| CLO2             | Hiểu và vận dụng được quy trình sản xuất nội dung truyền hình, điện ảnh: từ ý tưởng – kịch bản – dàn dựng – quay phim – hậu kỳ.           |
| CLO3             | Nhận biết được các thể loại phim (phim tài liệu, phim truyện, chương trình thực tế, talkshow...) và đặc điểm sáng tạo nội dung tương ứng. |
| <b>Kỹ năng</b>   |                                                                                                                                           |

| <b>Mã CDR</b>                       | <b>Nội dung chuẩn đầu ra</b><br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                                                                                                                                     |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CLO4                                | Hình thành và phát triển ý tưởng nội dung phù hợp với đối tượng khán giả và bối cảnh xã hội cụ thể. Biết cách xây dựng bố cục, nhân vật, xung đột và cốt truyện cho sản phẩm điện ảnh – truyền hình.        |
| CLO5                                | Sử dụng được các công cụ hỗ trợ sáng tạo như storyboard, synopsis, kịch bản phân cảnh.                                                                                                                      |
| CLO6                                | Thực hiện được một đề án sáng tạo nội dung hoàn chỉnh có thể áp dụng cho sản phẩm truyền thông cụ thể.                                                                                                      |
| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |                                                                                                                                                                                                             |
| CLO7                                | Có tinh thần trách nhiệm trong việc hoàn thiện sản phẩm nội dung đúng tiến độ và mục tiêu đề ra. Biết lắng nghe phản hồi, sẵn sàng điều chỉnh và phát triển sản phẩm theo yêu cầu của nhóm hoặc khách hàng. |

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần**

| <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
|---------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|
| CLO1                | X           |             |             |             |             |             |             |             | X           | X            |              |              |
| CLO2                |             |             | X           |             |             |             | X           |             |             |              |              |              |
| CLO3                |             |             |             |             | X           | X           |             |             | X           |              |              |              |
| CLO4                | X           |             |             |             |             |             |             |             |             |              |              | X            |
| CLO5                |             |             |             |             |             |             |             |             |             | X            | X            |              |
| CLO6                |             |             |             |             |             |             |             | X           |             |              |              |              |
| CLO7                |             |             | X           | X           |             |             |             |             |             |              |              |              |

**Ghi chú:** *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*  
*CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần*

## 6. Nội dung chi tiết của học phần

### 6.1. Lý thuyết

| <b>Chương</b>   | <b>Nội dung</b>                                                                                              | <b>Đáp ứng CLOs</b> |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>Chương 1</b> | <b>Giới thiệu về sáng tạo nội dung trong điện ảnh và truyền hình</b>                                         | <b>CLO2, CLO5</b>   |
| 1.1             | Khái niệm sáng tạo nội dung<br>Vai trò của sáng tạo nội dung trong sản xuất phim và chương trình truyền hình |                     |
| 1.2             | Tổng quan quy trình sáng tạo nội dung<br>Các yếu tố ảnh hưởng đến sáng tạo nội dung                          |                     |

| <b>Chương</b>   | <b>Nội dung</b>                                                                                                                              | <b>Đáp ứng CLOs</b>     |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>Chương 2</b> | <b>Phân tích và phát triển ý tưởng sáng tạo</b>                                                                                              | <b>CLO3, CLO4, CLO6</b> |
| 2.1             | Các phương pháp phát hiện và phát triển ý tưởng<br>Kỹ thuật brainstorming và mind mapping                                                    |                         |
| 2.2             | Nghiên cứu xu hướng và thị trường nội dung<br>Lập kế hoạch nội dung dựa trên đối tượng khán giả và mục tiêu sản xuất                         |                         |
| <b>Chương 3</b> | <b>Kịch bản và cấu trúc nội dung</b>                                                                                                         | <b>CLO1, CLO3</b>       |
| 3.1             | Các loại kịch bản trong điện ảnh và truyền hình<br>Cấu trúc kịch bản chuẩn: mở đầu, phát triển, cao trào và kết thúc                         |                         |
| 3.2             | Xây dựng nhân vật và phát triển cốt truyện<br>Nguyên tắc viết lời thoại và mô tả hình ảnh                                                    |                         |
| <b>Chương 4</b> | <b>Những yếu tố hỗ trợ sáng tạo nội dung</b>                                                                                                 | <b>CLO3, CLO6</b>       |
| 4.1             | Phần mềm hỗ trợ viết kịch bản và dựng nội dung (Final Draft, Celtx, v.v.)<br>Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, hoạt họa trong sáng tạo nội dung |                         |
| 4.2             | Sử dụng hình ảnh, âm thanh và hiệu ứng trong việc truyền tải nội dung sáng tạo                                                               |                         |
| <b>Chương 5</b> | <b>Sản xuất và thực hiện nội dung sáng tạo</b>                                                                                               | <b>CLO2, CLO5, CLO6</b> |
| 5.1             | Tổ chức và quản lý dự án sáng tạo nội dung<br>Hợp tác nhóm trong quá trình sản xuất nội dung                                                 |                         |
| 5.2             | Các bước triển khai từ ý tưởng đến sản phẩm hoàn chỉnh<br>Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống trong quá trình sản xuất                     |                         |
| <b>Chương 6</b> | <b>Đánh giá, phản hồi và hoàn thiện nội dung</b>                                                                                             | <b>CLO1, CLO5</b>       |
| 6.1             | Phương pháp đánh giá chất lượng nội dung sáng tạo<br>Thu thập và phân tích phản hồi khán giả                                                 |                         |
| 6.2             | Chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm dựa trên phản hồi<br>Xu hướng phát triển và đổi mới sáng tạo nội dung trong tương lai                       |                         |

## **6.2. Thực hành**

|        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đáp ứng CLOs             |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 6.2.1. | <b>Bài tập cá nhân</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>CLO1, CLO3, CLO 4</b> |
|        | Người học thực hiện các bài tập cá nhân như: phát triển ý tưởng sáng tạo nội dung, viết kịch bản ngắn, phân tích nhân vật và bố cục câu chuyện. Qua đó, người học rèn luyện kỹ năng sáng tạo, kỹ thuật viết kịch bản và cách thể hiện ý tưởng cá nhân một cách rõ ràng, mạch lạc.                                                                                                                                                                          |                          |
| 6.2.2. | <b>Bài tập nhóm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>CLO2, CLO3, CLO 6</b> |
|        | Người học làm việc theo nhóm để xây dựng dự án nội dung điện ảnh – truyền hình hoàn chỉnh, từ khâu lên ý tưởng đến kịch bản chi tiết, phân công công việc và phối hợp thực hiện. Các nhóm sẽ trình bày và báo cáo kết quả trước lớp, đồng thời phản biện và nhận xét ý kiến từ các nhóm khác để hoàn thiện sản phẩm. Hoạt động này giúp người học phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quản lý dự án, cũng như kỹ năng thuyết trình và tự chủ trong công việc |                          |

## 7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

| Chương      | Tên chương                                                    | Số tiết tín chỉ |          |           |           |           | Ghi chú |
|-------------|---------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------|-----------|-----------|---------|
|             |                                                               | Lý thuyết       | Bài tập  | Thực hành | Tự học    | Tổng      |         |
| 1           | Giới thiệu về sáng tạo nội dung trong điện ảnh và truyền hình | 2               |          | 5         | 5         | 12        |         |
| 2           | Phân tích và phát triển ý tưởng sáng tạo                      | 2               | 1        | 5         | 5         | 13        |         |
| 3           | Kịch bản và cấu trúc nội dung                                 | 2               | 1        | 5         | 5         | 13        |         |
| 4           | Những yếu tố hỗ trợ sáng tạo nội dung                         | 2               |          | 5         | 5         | 12        |         |
| 5           | Sản xuất và thực hiện nội dung sáng tạo)                      | 2               |          | 5         | 5         | 12        |         |
| 6           | Đánh giá, phản hồi và hoàn thiện nội dung                     | 2               | 1        | 5         | 5         | 13        |         |
| <b>Tổng</b> |                                                               | <b>12</b>       | <b>3</b> | <b>30</b> | <b>30</b> | <b>75</b> |         |

### CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

- Phân tích cách các công ty sản xuất phim và kênh truyền hình sử dụng chiến lược quảng cáo để quảng bá sản phẩm của họ, bao gồm việc chọn đối tượng mục tiêu, phương tiện quảng cáo và đo lường hiệu suất.

- Nghiên cứu về cách mà các chiến lược quan hệ công chúng, bao gồm việc tạo sự chú ý từ truyền thông và phản ứng của công chúng, ảnh hưởng đến hiệu quả của chiến lược quảng cáo.
- Thảo luận về cách thức và chiến lược quảng cáo trên các nền tảng trực tuyến như mạng xã hội, trang web và ứng dụng di động, và cách mà công nghệ kỹ thuật số thay đổi cách tiếp cận và tương tác với khán giả.

## 8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Bài giảng lý thuyết
- Bài tập và dự án thực tế
- Phân tích và đánh giá tác phẩm
- Thảo luận

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy**

| Phương pháp giảng dạy          | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 |
|--------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
| Bài giảng lý thuyết            |      |      |      |      | X    | X    |      |
| Bài tập và dự án thực tế       |      |      | X    |      |      |      | X    |
| Phân tích và đánh giá tác phẩm |      | X    |      | X    | X    |      |      |
| Thảo luận                      | X    |      | X    | X    |      | X    |      |

## 9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập**

| Phương pháp học tập   | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 |
|-----------------------|------|------|------|------|------|------|------|
| Thuyết trình          | X    | X    |      |      |      | X    |      |
| Làm việc nhóm         |      |      | X    | X    |      |      | X    |
| Tự học, tự nghiên cứu |      |      | X    |      |      | X    |      |

## 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

**12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
  - a. Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
  - b. Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.
  - c. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Bài tập lớn

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá**

| Hình thức đánh giá | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 |
|--------------------|------|------|------|------|------|------|------|
| Quá trình          |      | X    |      |      |      |      | X    |
| Bài tập lớn        | X    |      |      | X    | X    | X    |      |

**13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)**

**13.1. Tài liệu chính**

- Trần Trọng Đàn, Điện ảnh Việt Nam, NXB Tổng hợp Tp. HCM, 2010.
- Phạm Thanh Hà, Quay phim điện ảnh – truyền hình, NXB Chính trị Quốc gia, 2021.
- Trần Kim Luân 2013, Phương pháp phê bình điện ảnh, NXB Văn học, 2013.
- Vũ Ngọc Thanh, Điện ảnh học – Lý luận và Thực tiễn, NXB Chính trị Quốc gia, 2020.
- Timothy Corrigan (dịch: Đặng Nam Thắng), Hướng Dẫn Viết Về Phim, NXB Thông tấn, 2024.

**13.2. Tài liệu tham khảo**

- Richard D.Labe (2020), Âm thanh trong phim điện ảnh – truyền hình (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.
- Richard D.labe (2020), Nghệ thuật đạo diễn phim truyện (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.
- Alvin H. Marill, Big Pictures on the Small Screen: Made-for-TV Movies and Anthology Dramas, Praeger, 2017.
- Linda Seger, Creating Unforgettable Characters, Michael Wiese Productions, 2021.
- Christopher Vogler, The Writer's Journey: Mythic Structure for Writers, Michael Wiese Productions, 2019.

- John Truby, The Anatomy of Story: 22 Steps to Becoming a Master Storyteller, Faber & Faber, 2020.

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2024*

**Hiệu trưởng**

**Trưởng Khoa/Bộ môn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giảng viên biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS.TS. Nguyễn Minh Đức**